

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
P.Phúc Thắng, TP.Phúc Yên, T.Vĩnh Phúc
Số : ~~44~~.../CV-NAG-2020

(V/v giải trình chênh lệch báo cáo KQKD
6 tháng đầu năm 2020 đã được kiểm toán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần Tập đoàn Nagakawa
- Mã chứng khoán: NAG
- Trụ sở chính: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, nay Công ty xin giải trình số liệu chênh lệch giữa báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 trước kiểm toán so với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 sau kiểm toán như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch tăng/ giảm (+/-)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.932.635.705	7.108.840.410	(-)1.823.795.295


Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2020 sau kiểm toán của báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giảm 1.823.795.295 đồng, tương đương giảm 20,42% so với trước kiểm toán bởi các lý do như sau:

- Tăng lợi nhuận do giảm chi phí trích lập dự phòng hàng tồn kho: 987.596.865 đồng.
- Tăng lợi nhuận do giảm chi phí trích trước khuyến mại bán hàng: 2.525.748.581 đồng.
- Tăng lợi nhuận do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ: 19.308.514 đồng.
- Giảm lợi nhuận do trích bổ sung chi phí lãi vay: 5.082.115 đồng.
- Giảm lợi nhuận do tăng chi phí bán hàng: 17.647.727 đồng
- Giảm lợi nhuận do trích lập dự phòng công nợ phải thu: 485.669.342 đồng.
- Giảm lợi nhuận do bổ sung chi phí thuế TNDN hiện hành: 1.233.180.275 đồng.
- Giảm lợi nhuận do bổ sung chi phí thuế TNDN hoãn lại: 965.180.580 đồng.

Vậy Công ty Cổ Phần Tập đoàn Nagakawa kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố thông tin giải trình trên nhằm giúp các Nhà đầu tư có đầy đủ thông tin về báo cáo kết quả kinh doanh của đơn vị cấp trên 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận :
- Như trên
- Lưu KT, VT

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NAGAKAWA ✓

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền Chương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	7 - 56
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	7 - 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	12 - 13
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	14-55
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	56 - 58

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 17 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 số 2500217389 được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 29 tháng 07 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 158.886.360.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2020: 158.886.360.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
Điện thoại : 0211 873 568
Email : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 58).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên
Ông Vũ Tiến Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Đức Khả	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2020
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

Số : 2506.01.03/2020/BCTC-NVT2
Ngày : 14 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020 từ trang 07 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		623.270.419.290	583.479.470.624
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.458.804.484	11.640.206.650
1. Tiền	111		15.458.804.484	11.640.206.650
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.764.000.000	38.384.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	36.764.000.000	38.384.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		271.016.977.036	222.274.388.930
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	227.570.563.712	168.359.181.643
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	36.506.869.763	43.566.308.955
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	13.000.000.000	12.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	1.335.691.541	1.440.806.699
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(7.396.147.980)	(3.091.908.367)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	295.729.174.108	304.133.811.423
1. Hàng tồn kho	141		306.306.073.340	308.929.354.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.576.899.232)	(4.795.543.516)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.301.463.662	7.047.063.621
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.340.396.280	2.508.812.586
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.901.882.631	4.425.614.402
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	59.184.751	112.636.633
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.370.012.637	55.833.000.810
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		848.672.499	1.013.847.599
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	848.672.499	1.013.847.599
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.296.985.456	28.462.016.925
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21.922.138.397	23.232.669.125
<i>Nguyên giá</i>	222		109.988.149.215	109.190.876.488
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(88.066.010.818)	(85.958.207.363)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5.374.847.059	5.229.347.800
<i>Nguyên giá</i>	228		5.805.358.519	5.564.508.519
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(430.511.460)	(335.160.719)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.14	-	70.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	70.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	19.703.131.199	22.525.491.607
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.703.131.199	17.525.491.607
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.521.223.483	3.761.644.679
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.610.894.481	2.195.717.537
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	910.329.002	1.565.927.142
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		673.640.431.927	639.312.471.434

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		461.924.081.756	426.519.813.155
I. Nợ ngắn hạn	310		460.604.307.307	426.066.213.155
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	90.421.903.126	58.297.010.376
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	14.693.880.582	8.391.488.141
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	13.104.612.438	13.352.051.624
4. Phải trả người lao động	314		2.914.494.430	3.225.080.743
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	34.395.814.262	9.588.627.241
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	8.678.025.894	534.134.476
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	288.121.104.681	327.123.025.437
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	7.884.662.345	5.405.816.086
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	389.809.549	148.979.031
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.319.774.449	453.600.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	345.000.000	453.600.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		974.774.449	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		211.716.350.171	212.792.658.279
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	211.716.350.171	212.792.658.279
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		158.886.360.000	158.886.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		158.886.360.000	158.886.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.915.984.116	5.313.907.820
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.077.665.078	25.449.629.716
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.662.404.902	11.008.288.482
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.415.260.176	14.441.341.234
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		18.164.250.977	17.470.670.743
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		673.640.431.927	639.312.471.434

Người lập biểu



Đỗ Thị Bích Loan

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trư
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	601.053.241.412	568.925.062.53
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.664.723.014	8.398.594.53
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		595.388.518.398	560.526.468.00
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	524.842.359.803	486.569.887.70
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.546.158.595	73.956.580.29
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.633.243.757	2.847.270.70
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.783.130.463	13.785.391.33
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.059.820.937	13.194.263.48
8. Phần lãi hoặc lỗ trọng công ty liên doanh, liên kết	24		(2.822.360.408)	729.500.85
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	33.763.348.217	40.822.896.73
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.288.852.442	9.871.263.64
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.521.710.822	13.053.800.14
12. Thu nhập khác	31	VI.7	307.103.263	391.947.51
13. Chi phí khác	32	VI.8	6.467.584	462.576.72
14. Lợi nhuận khác	40		300.635.679	(70.629.20)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.822.346.501	12.983.170.93
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.083.133.502	2.221.916.02
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	1.630.372.589	456.162.80
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.108.840.410</u>	<u>10.305.092.10</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>6.415.260.176</u>	<u>10.023.525.12</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>693.580.234</u>	<u>281.566.98</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>396</u>	<u>61</u>

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Đỗ Thị Bích Loan

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.822.346.501	12.983.170.934
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.203.154.196	2.532.132.431
- Các khoản dự phòng	03	12.564.441.588	4.220.895.911
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(391.056.111)	97.685.171
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.971.962.182)	(2.547.509.257)
- Chi phí lãi vay	06	12.059.820.937	13.194.263.480
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.286.744.929	30.480.638.678
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(43.059.929.063)	(31.291.198.179)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.623.281.599	6.653.442.792
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	66.604.400.345	27.023.816.980
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	753.239.362	2.607.561.382
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.106.480.582)	(13.493.646.207)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.428.715.577)	(1.187.000.106)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.672.541.013	20.793.615.340
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.074.850.000)	(193.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.980.000.000)	(32.182.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	28.600.000.000	19.598.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.681.735.511	2.023.311.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.773.114.489)	(10.754.188.480)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm tru
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	466.667.252.264	425.391.214.4
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(505.779.121.743)	(443.829.143.6
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.471.7:
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(39.111.869.479)	(18.445.400.95
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.787.557.045	(8.405.974.09
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 11.640.206.650	18.783.920.6
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	31.040.789	12.072.5
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 15.458.804.484	10.390.019.1

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Đỗ Thị Bích Loan

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
 - Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
 - Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
 - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
 - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị y tế; Mua bán dụng cụ y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
 - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
 - Sản xuất các cấu kiện kim loại;
 - Sản xuất sắt, thép, gang;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc);
 - Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
 - Khai thác quặng sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
 - Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: cho thuê kho bãi; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
 - Mua bán sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; Mua

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

bán vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020:** 172 người
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:**

Năm 2018, Công ty thực hiện nhiều chính sách quan trọng như nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, khuyến mại, chăm sóc khách hàng và các đại lý bán hàng làm cho chi phí bán hàng của Công ty tăng đáng kể, nhờ đó doanh thu bán hàng của Công ty cũng tăng cao, thị phần trong ngành tăng, uy tín và vị thế của Công ty được nâng tầm và có đủ khả năng cạnh tranh với các thương hiệu uy tín khác.

7. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các Công ty con:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ thặng dư CNĐK</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	94 Nam Trân, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	25 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%

Các Công ty liên doanh, liên kết:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ thặng dư CNĐK</i>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Gia công may mặc	48%	48%

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 23.129 VND/USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 23.309 VND/USD.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được lập dự phòng giảm giá.

Doanh nghiệp phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Khi nhà đầu tư nhận được thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để phát hành thêm cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân gia quyền theo từng lần mua).

ii. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

iii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

+ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

+ Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

chấn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.742.603.343	4.670.540.284
Tiền gửi ngân hàng	11.936.201.141	6.969.666.366
Cộng	<u>15.458.804.484</u>	<u>11.640.206.650</u>

2. Đầu tư tài chính

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	36.764.000.000	36.764.000.000	38.384.000.000	38.384.000.000
Cộng	<u>36.764.000.000</u>	<u>36.764.000.000</u>	<u>38.384.000.000</u>	<u>38.384.000.000</u>

(*) Là các sổ tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An với số tiền 6.500.000.000 VND, sổ tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng với số tiền 8.000.000.000 VND và sổ tiết kiệm 12 tháng với số tiền 20.000.000.000 VND. Các khoản tiền gửi này đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An. (Xem thuyết minh V.17).

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long phát hành số 15/2020/HĐTG/PVBTL-NAG ngày 24/2/2020, số tiền gửi 1.280.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2020/HĐTG/PVBTL-NAGAKAWA ngày 24/2/2020, để thực hiện bảo lãnh công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long phát hành số 11/2019/HĐTG/PVBTL-NAG ngày 24/04/2018, số tiền gửi 984.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 02/2019/HĐDB-PVBTL-NAGAKAWA ngày 24/04/2019, để thực hiện bảo lãnh công trình.

b) Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (*)	48 %	14.703.131.199	48%	17.525.491.607
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.000.000.000		5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An(**)		5.000.000.000		5.000.000.000
Cộng		19.703.131.199		22.525.491.607

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam với tỷ lệ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương đương với 12.000.000 cổ phần, giá trị 12.000.000.000 VND, đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2020, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Vốn góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020	12.000.000.000
Tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 30 tháng 06 năm 2020	48%
Tăng giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	2.703.131.199
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	14.703.131.199

(**) Là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số 1269, ngày phát hành là 29/6/2018 đến ngày 29/06/2028. Số lượng trái phiếu là 500 với giá trị là 5.000.000.000 VND. Số trái phiếu này đang được cầm cố cho khoản vay tại chính ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	72.366.530.870	44.952.642.079
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	72.366.530.870	44.952.642.079
Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	155.204.032.842	123.406.539.564
Công ty TNHH Thương Mại VHC	6.309.653.014	5.015.927.971
Công ty TNHH điện máy Nhân Việt	10.804.937.317	12.102.248.997
Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ M2K Việt Nam	4.863.801.781	5.410.548.781
Công ty TNHH phát triển thương mại Hưng Thịnh	12.354.799.248	7.475.319.859
Công ty cổ phần đầu tư MK Việt Nam	4.267.977.127	4.644.263.475
Công ty TNHH Thương Mại Huy Hùng	4.246.796.197	4.233.340.697
Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên	982.456.000	2.218.875.000
Công ty cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyên Châu	5.136.568.625	-
Các khách hàng khác	106.237.043.533	82.306.014.784
Cộng	227.570.563.712	168.359.181.643

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	17.480.000.000	25.559.399.742
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	-	8.079.399.742
Bà Đào Thị Soi (*)	17.480.000.000	17.480.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác (**)	19.026.869.763	18.006.909.213
Công ty TNHH Cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	-	4.365.381.080
HIGH ACE INDUSTRIES SDN.BHD	2.258.499.069	-
Công ty cổ phần xây dựng cơ điện lạnh Việt Nam	4.532.917.246	5.055.185.818
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Ô Tô hàng xanh- Chi nhánh Kim Giang	3.869.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	8.366.453.448	8.586.342.315
Cộng	36.506.869.763	43.566.308.955

(*) Theo hợp đồng mua bán nhà số 25.11/HĐMN/NAG2019 ngày 25/11/2019 giữa Bà Đào Thị Soi và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa, thực hiện chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội (nay là số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội)

- Thửa đất số: 20

- Tờ bản đồ số: 16

- Địa chỉ: 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

- Tài sản gắn liền với đất: Nhà Bê tông

- Giá trị chuyển nhượng: 7.800.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 14 tháng 02 năm 2020.

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 04.10/HĐMB/NAG2019 ngày 04/10/2019 giữa Bà Đào Thị Soi và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa, thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 99

- Tờ bản đồ số: 16

- Địa chỉ: Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

- Thời hạn sử dụng: Lâu dài

- Tài sản gắn liền với đất: Không có

- Giá trị chuyển nhượng: 10.600.000.000 VND

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 03 tháng 03 năm 2020.

(**) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Tô Văn Giang vay với lãi suất 6%/năm	3.500.000.000	3.200.000.000
Bà Trịnh Thị Yên vay với lãi suất 6%/năm	3.300.000.000	3.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Quỳnh vay với lãi suất 10%/năm	2.900.000.000	2.500.000.000
Ông Huỳnh Hữu Tính vay với lãi suất 10%/năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Bùi Thị Thu Nga vay với lãi suất 10%/năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Ngô Thị Mỹ Nhật vay với lãi suất 10%/năm	1.300.000.000	800.000.000
Cộng	<u>13.000.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>

6. Phải thu khác

a) Phải thu khác ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	184.513.977	591.601.568
Bảo hiểm xã hội	12.750	1.300
Ký cược, ký quỹ	316.163.119	304.180.707
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	834.586.795	544.360.124
<i>Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng</i>	<i>689.486.795</i>	<i>405.127.124</i>
<i>Phải thu lãi cho vay cá nhân</i>	<i>145.100.000</i>	<i>139.233.000</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	414.900	663.000
Cộng	<u>1.335.691.541</u>	<u>1.440.806.699</u>

a) Phải thu khác dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký cược, ký quỹ	848.672.499	1.013.847.599
Cộng	<u>848.672.499</u>	<u>1.013.847.599</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	<u>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(3.091.908.367)	-	(3.091.908.367)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.304.239.613)	-	(4.304.239.613)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối kỳ	(7.396.147.980)	-	(7.396.147.980)

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	8.990.061.449	-
Nguyên liệu, vật liệu	46.373.266.249	-	45.222.785.864	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.390.141.788	-	1.555.327.633	-
Thành phẩm	19.252.376.677	-	20.491.520.868	-
Hàng hóa	238.290.288.626	(10.576.899.232)	232.669.659.125	(4.795.543.516)
Cộng	306.306.073.340	(10.576.899.232)	308.929.354.939	(4.795.543.516)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	(4.457.790.302)
Trích lập dự phòng bổ sung	(6.131.117.059)
Hoàn nhập dự phòng	12.008.129
Số cuối kỳ	(10.576.899.232)

9. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng, thuê kho	532.826.667	380.490.323
Chi phí CCDC xuất dùng	129.483.116	224.534.200
Chứng nhận sản phẩm hợp quy	167.775.654	234.155.062
Chi phí bảo hiểm tài sản	96.388.623	181.507.252
Chi phí làm kệ trưng bày hội nghị	323.201.732	1.164.757.378
Chi phí bảo trì phần mềm	42.240.714	53.079.389
Chi phí thử nghiệm EMC và hiệu suất năng lượng ĐHKK	696.935.098	238.587.781
Chi phí thử nghiệm điện - điện tử	73.439.787	-
Kệ trưng bày sản phẩm	260.814.990	-
Chi phí trả trước khác	17.289.899	31.701.201
Cộng	2.340.396.280	2.508.812.586

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	434.987.078	598.650.824
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	295.325.170	359.496.292
Hệ thống làm mát nhà xưởng	338.327.460	421.347.126
Chi phí thiết kế, thu công hạng mục nội thất, nhà xưởng	65.809.596	113.105.590
Chi phí làm biển quảng cáo	14.791.662	57.624.398
Chi phí cải tạo sửa chữa nhà máy	346.080.301	480.232.864
Chi phí bảo hiểm tài sản	24.138.071	-
Chi phí mua phần mềm Win bản quyền, phần mềm khai báo hải quan	35.375.110	44.476.065
Chi phí trả trước khác	56.060.033	120.784.378
Cộng	<u>1.610.894.481</u>	<u>2.195.717.537</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	31.605.129.368	60.333.262.562	16.015.828.815	456.123.780	780.531.963	109.190.876.488
Tăng do mua sắm	-	-	797.272.727	-	-	797.272.727
Số cuối kỳ	31.605.129.368	60.333.262.562	16.813.101.542	456.123.780	780.531.963	109.988.149.215
<i>Trong đó:</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	6.402.739.882	58.222.604.929	2.148.841.148	156.607.280	43.578.637	66.974.371.876
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	18.069.858.990	59.924.706.370	7.380.143.300	274.181.960	309.316.743	85.958.207.363
Tăng do trích khấu hao	731.247.771	122.032.884	1.150.875.814	29.951.652	73.695.334	2.107.803.455
Số cuối kỳ	18.801.106.761	60.046.739.254	8.531.019.114	304.133.612	383.012.077	88.066.010.818
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.535.270.378	408.556.192	8.635.685.515	181.941.820	471.215.220	23.232.669.125
Số cuối kỳ	12.804.022.607	286.523.308	8.282.082.428	151.990.168	397.519.886	21.922.138.397

+ Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 25.227.772.202 VND và 8.065.266.212 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội bao gồm toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất điều hòa.

+ Tài sản cố định là Xe Kia Sorento có Nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 988.956.364 VND và 137.355.051 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

+ Tài sản là xe ô tô Ford Ranger XLS AT và xe KIA 7 chỗ có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.599.250.000 VND và 900.470.316 VND đang được thế chấp tại ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

+ Tài sản là tài sản trên đất và xe có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 4.273.915.221 VND và 3.671.038.763 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng.

+ Tài sản là xe ô tô Nissan Xtrail T32 SL Premium và ô tô Ford Ranger XLS AT có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.589.505.455 VND và 920.090.065 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.614.795.919	949.712.600	5.564.508.519
Tăng trong kỳ	-	240.850.000	240.850.000
Số cuối kỳ	4.614.795.919	1.190.562.600	5.805.358.519
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		133.962.600	133.962.600
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	335.160.719	335.160.719
Tăng trong kỳ	-	95.350.741	95.350.741
Số cuối kỳ	-	430.511.460	430.511.460
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.614.795.919	614.551.881	5.229.347.800
Số cuối kỳ	4.614.795.919	760.051.140	5.374.847.059

Quyền sử dụng đất lâu dài, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khu đất công trình công cộng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo thửa đất số 125, tờ bản đồ số 101 theo Số phát hành BG 952425; Số vào sổ cấp GCN: CT09311 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/11/2011. Nguyên giá 4.614.795.919 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho chưa thực hiện, chi tiết:

	Kỳ này
Số đầu năm	1.565.927.142
Phát sinh trong kỳ	896.987.976
Hoàn nhập trong kỳ	(1.552.586.116)
Số cuối kỳ	910.329.002

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	9.102.326.068	-
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	8.132.329.568	-
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	969.996.500	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	81.319.577.058	58.297.010.376
PT ARISAMANDIRI PRATAMA	46.110.327.723	17.045.298.629
Công ty TNHH thương mại và tư vấn kỹ thuật - Cao	6.591.165.740	3.848.721.394
Công ty TNHH điện máy Nhân Việt	7.300.927.171	-
Các nhà cung cấp khác	21.317.156.424	37.402.990.353
Cộng	90.421.903.126	58.297.010.376

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>1.232.022.312</i>	<i>207.590.440</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	1.232.022.312	207.590.440
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>13.461.858.270</i>	<i>8.183.897.701</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Cao Bằng	2.352.666.554	2.896.356.739
Công ty cổ phần phát triển thương mại Bẫy Lợi	3.979.828.542	157.145.207
Công ty TNHH Tú Huệ	1.025.294.368	-
Các khách hàng khác	6.104.068.806	5.130.395.755
Cộng	<u>14.693.880.582</u>	<u>8.391.488.141</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.375.996.990	-	5.710.432.638	(3.790.576.311)	5.295.853.317	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	27.090.007.436	(27.090.007.436)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.200.308.411	-	23.653.385.547	(23.666.518.108)	4.187.175.850	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.492.370.523	(1.492.370.523)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.180.123.176	112.409.633	2.083.133.502	(4.428.715.577)	2.781.089.219	58.957.751
Thuế thu nhập cá nhân	126.851.137	227.000	261.255.216	(255.446.047)	132.660.306	227.000
Tiền thuê đất	-	-	235.587.912	-	235.587.912	-
Các loại thuế khác	468.771.910	-	30.140.590	(26.666.666)	472.245.834	-
Cộng	<u>13.352.051.624</u>	<u>112.636.633</u>	<u>60.560.768.436</u>	<u>(60.754.755.740)</u>	<u>13.104.612.438</u>	<u>59.184.751</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh điều hòa dưới 90.000 BTU với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	704.760.690	836.258.692
Chi phí thuê kho phải trả	100.000.000	70.000.000
Chi phí du lịch, khuyến mãi hàng của đại lý đạt đủ doanh số	-	164.992.727
Trích trước chi phí chiết khấu hàng bán, chương trình khuyến mãi	31.636.762.872	8.177.691.186
Trích trước chi phí chương trình trúng thưởng	1.626.229.700	-
Chi phí khác	328.061.000	339.684.636
Cộng	<u>34.395.814.262</u>	<u>9.588.627.241</u>

17. Phải trả khác ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>130.167.398</i>	<i>45.329.041</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam - Phải trả về lãi vay	130.167.398	45.329.041
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>8.547.858.496</i>	<i>488.805.435</i>
Kinh phí công đoàn	266.444.895	198.479.695
Bảo hiểm xã hội	13.614.450	915.595
Bảo hiểm y tế	2.789.100	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.492.500	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.193.874.465	249.556.465
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	69.643.086	39.853.680
Cộng	<u>8.678.025.894</u>	<u>534.134.476</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>5.221.000.000</i>	<i>5.221.000.000</i>	<i>5.221.000.000</i>	<i>5.221.000.000</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam (d)	5.221.000.000	5.221.000.000	5.221.000.000	5.221.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>282.900.104.681</i>	<i>282.900.104.681</i>	<i>321.902.025.437</i>	<i>321.902.025.437</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	282.552.238.001	282.552.238.001	321.358.158.761	321.358.158.761
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (a)	105.368.260.735	105.368.260.735	101.584.203.685	101.584.203.685
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long - PGD Lê Trọng Tấn	-	-	32.680.898.676	32.680.898.676
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (b)	172.183.977.266	172.183.977.266	182.093.056.400	182.093.056.400
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng (c)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	347.866.680	347.866.680	543.866.676	543.866.676
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	217.200.000	217.200.000	217.200.000	217.200.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	130.666.680	130.666.680	326.666.676	326.666.676
Cộng	288.121.104.681	288.121.104.681	327.123.025.437	327.123.025.437

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020/-HĐCVHM/NHCT320-NAG ngày 21 tháng 01 năm 2020 với tổng mức cấp dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 200.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng tới ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thời hạn vay của từng Khoản Nợ không quá 07 tháng. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa có giá trị 60.000.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 30/01/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2018/HĐTC/NHCT320-NAG-HTK ký ngày 06/02/2018. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HTK ngày 21/01/2020, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 101.508.541.889 VND.

+ Xe ô tô con Kia Sorento, BKS 30A-627.65, thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAGHN ký ngày 10 tháng 04 năm 2018.

+ Xe ô tô con 09 chỗ hiệu Hyundai Grand, BKS88A-178.61, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐBĐ/NHCT320-KLW.

+ Xe ô tô khách 29 chỗ hiệu Thaco HB73S, BKS 88B-008.37 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/HĐBĐ/NHCT320-KLW.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 99, Tờ bản đồ số 16, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD537451 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả và bà Đào Thị Soi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2018/03/005/HĐTG ngày 16/03/2018, số tiền gửi: 8.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2018/HĐCC/NHCT320-NAG ký ngày 16/03/2018.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2020/36924/HĐTG ngày 21/02/2020, số tiền gửi: 9.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2020/36925/HĐTG ngày 21/02/2020, số tiền gửi 5.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2020/36915/HĐTG ngày 21/02/2020, số tiền gửi 6.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.
- + Quyền sử dụng đất tại số thửa 46, tờ bản đồ 20 tại Xã Liên Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V930401 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp tài sản số 50/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HungYen ký ngày 18 tháng 06 năm 2018.
- + Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG1828T2/01 với tổng giá trị Trái phiếu 5.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 1007/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 10 tháng 07 năm 2018.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An phát hành số 320/2018/07/001/HĐTG ngày 03/07/2018, số tiền gửi 1.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 04/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 10/07/2018.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An phát hành số 320/2019/21021 ngày 16/10/2019, số tiền 2.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 1610.2/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 17 tháng 10 năm 2019.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thành an phát hành số 320/2019/22028 ngày 24/10/2019, số tiền 3.500.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 2410/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 24 tháng 10 năm 2019.
- + Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 666206, số vào sổ cấp GCN: CS29262 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 27/06/2018 cho ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo HĐCC số 01/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG-ROYAL ngày 15/11/2019.
- + Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019.
- + Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 750752, số vào sổ cấp GCN: CHO1494.HDD/1461 do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội cấp ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

29/08/2012 cho Ông Nguyễn Đình Tấn và Bà Đào Thị Hoa theo HĐCC số 03/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 11/12/2019.

b) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/367653/HMTD ngày 11 tháng 06 năm 2020, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 250 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31 tháng 05 năm 2021, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn.

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Hương.

+ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả.

+ Thẻ chấp Hàng hóa luân chuyển của công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa theo hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo bổ sung số 04/2019/367653/HĐBĐ ngày 01/10/2019.

c) Là khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng cấp tín dụng số 6400.20.308.3789979.TD ngày 16 tháng 03 năm 2020. Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng văn bản nhận nợ, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khu đất công trình công cộng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo thửa đất số 125, tờ bản đồ số 101 theo Sổ phát hành BG 952425; Số vào sổ cấp GCN: CT09311 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/11/2011. Giá trị tài sản đảm bảo là 3.400.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4749.18.308.3789979.BĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018.

+ Ô tô con Chervolet BKS.43A-342.74 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông Số: 12535.18.308.3789979.BĐ ngày 08 tháng 05 năm 2018.

d) Là khoản vay Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam theo các hợp đồng

- Hợp đồng vay tiền ký ngày 11 tháng 09 năm 2019. Số tiền cho vay là 8.000.000.000 VND. Lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền.

- Hợp đồng vay tiền ký ngày 19 tháng 11 năm 2019. Số tiền cho vay là 1.000.000.000 VND. Lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác (lãi vay nhập gốc)	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	321.358.158.761	466.667.252.264	-	1.348.723	(505.474.521.747)	282.552.238.001
Vay ngắn hạn bên liên quan	5.221.000.000	-	-	-	-	5.221.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	543.866.676	-	108.600.000	-	(304.599.996)	347.866.680
Cộng	327.123.025.437	466.667.252.264	108.600.000	1.348.723	(505.779.121.743)	288.121.104.681

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	345.000.000	345.000.000	453.600.000	453.600.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (a)	345.000.000	345.000.000	453.600.000	453.600.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (b)	-	-	-	-
Cộng	345.000.000	345.000.000	453.600.000	453.600.000

(a) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng tín dụng số 22/2017/HĐCV-NHCT320/NAGAKAWA ký ngày 22/12/ 2017, mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất theo quy định từng kỳ của Ngân hàng. Tài sản thế chấp là xe ô tô Nissan Xtrail T32 SL Premium L (SL-G) và ô tô Ford Ranger XLS AT

(b) Là các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng vay số 27368.17.106.3515544.TD ký ngày 15/11/2017, số tiền vay 470.000.000 VND với mục đích cho vay bù đắp đầu tư mua ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Hợp đồng vay có thời hạn 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Tài sản thế chấp là ô tô biển kiểm soát 51D-197.09.

- Hợp đồng vay số 27653.17.106.3515544.TD ký ngày 16/11/2017, số tiền vay 800.000.000 VND với mục đích cho vay bù đắp đầu tư mua ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Hợp đồng vay có thời hạn 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Tài sản thế chấp là ô tô biển kiểm soát 51F-899.48.

- Hợp đồng vay số 23475.17.106.351.5544.TD ngày 24/10/2017, số tiền vay 473.690.000 VND với mục đích cho vay bù đắp đầu tư mua ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Hợp đồng vay có thời hạn 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Tài sản thế chấp là ô tô biển kiểm soát 51D-191.38.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	347.866.680	543.866.676
Trên 1 năm đến 5 năm	345.000.000	453.600.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>692.866.680</u>	<u>997.466.676</u>

Chi tiết phát sinh khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	453.600.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Số tiền vay đã trả	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(108.600.000)
Số cuối kỳ	<u>345.000.000</u>

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng phải trả ngắn hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ và bảo hành công trình.
Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản dự phòng phải trả ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	5.405.816.086
Tăng do trích lập	3.754.141.414
Số sử dụng trong kỳ	(1.275.295.155)
Số hoàn nhập	-
Số cuối kỳ	<u>7.884.662.345</u>

20. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	106.285.459	120.415.259	-	226.700.718
Quỹ phúc lợi	42.693.572	120.415.259	-	163.108.831
Cộng	<u>148.979.031</u>	<u>240.830.518</u>	<u>-</u>	<u>389.809.549</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kèm soát	Cộng
Số đầu năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	5.313.907.820	21.398.868.482	19.870.486.058	200.751.132.360
Tăng vốn từ lợi nhuận	10.390.580.000	-	-	-	(10.390.580.000)	(2.399.815.315)	(2.399.815.315)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	14.441.341.234	-	14.441.341.234
Số dư cuối năm trước	158.886.360.000	5.672.110.000	(20.000)	5.313.907.820	25.449.629.716	17.470.670.743	212.792.658.279
Số dư đầu năm nay	158.886.360.000	5.672.110.000	(20.000)	5.313.907.820	25.449.629.716	17.470.670.743	212.792.658.279
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	6.415.260.176	693.580.234	7.108.840.410
Trích lập các quỹ	-	-	-	602.076.296	(842.906.814)	-	(240.830.518)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(7.944.318.000)	-	(7.944.318.000)
Số dư cuối kỳ	158.886.360.000	5.672.110.000	(20.000)	5.915.984.116	23.077.665.078	18.164.250.977	211.716.350.171

b) Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 15 tháng 6 năm 2020, như sau:

• Chia cổ tức 7% vốn điều lệ	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 7.944.318.000
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 602.076.296
	: 240.830.518

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**c) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	158.886.360.000	158.886.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	<u>164.558.450.000</u>	<u>164.558.450.000</u>

d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.888.636	15.888.636
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	15.888.636	15.888.636
- Cổ phiếu phổ thông	15.888.636	15.888.636
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
- Cổ phiếu phổ thông	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.888.634	15.888.634
- Cổ phiếu phổ thông	15.888.634	15.888.634

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.083,15	649,30

b, Vàng tiền tệ

Công ty nắm giữ vàng tiền tệ với số lượng tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 56 chỉ, tương đương 275.296.000 VND.

c, Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Tràng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>1.116.279.409</u>	<u>1.116.279.409</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	601.053.241.412	568.925.062.532
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>595.499.089.759</i>	<i>534.572.371.787</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>3.152.727.272</i>	<i>3.152.727.272</i>
<i>Doanh thu hợp đồng lắp đặt điều hòa</i>	<i>2.401.424.381</i>	<i>31.199.963.473</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.664.723.014)	(8.398.594.532)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(4.173.304.224)</i>	<i>(352.639.339)</i>
<i>Hoàn nhập chiết khấu thương mại</i>	-	<i>141.606.288</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(1.481.668.755)</i>	<i>(8.124.197.845)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(9.750.035)</i>	<i>(63.363.636)</i>
Doanh thu thuần	595.388.518.398	560.526.468.000
Trong đó:		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>589.834.366.745</i>	<i>526.173.777.255</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>3.152.727.272</i>	<i>3.152.727.272</i>
<i>Doanh thu thuần hợp đồng lắp đặt điều hòa</i>	<i>2.401.424.381</i>	<i>31.199.963.473</i>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	185.938.989.810	190.392.706.294
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	3.372.334.661	417.299.381
Cộng	189.311.324.471	190.810.005.675

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	515.452.852.227	458.902.992.115
Giá vốn của hợp đồng lắp đặt điều hòa	2.675.171.297	24.678.322.357
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	932.980.563	932.702.195
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.781.355.716	2.055.871.039
Cộng	524.842.359.803	486.569.887.706

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.335.337.428	950.551.057
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.689.454	12.714.570
Lãi tiền cho vay	435.699.000	1.209.243.630
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	193.236.300	375.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	270.225.464	299.761.449
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	391.056.111	-
Cộng	2.633.243.757	2.847.270.706

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.059.820.937	13.194.263.480
Chiết khấu thanh toán cho người mua	267.818.838	412.840.419
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	455.490.688	80.602.260
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	97.685.171
Cộng	12.783.130.463	13.785.391.330

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.136.482.264	8.533.125.932
Chi phí vật liệu, bao bì	35.521.852	14.109.104
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	130.347.063	552.297.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	830.663.834	446.946.051
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	5.019.472.272	3.597.901.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.494.923.522	20.662.574.904
Các chi phí khác	4.115.937.410	7.015.941.847
Cộng	33.763.348.217	40.822.896.732

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.414.712.004	5.671.497.615
Chi phí vật liệu quản lý	127.959.498	140.621.314
Chi phí đồ dùng văn phòng	379.652.303	397.621.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	597.054.678	572.145.588
Thuế, phí và lệ phí	12.000.000	48.377.551
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	4.304.239.613	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.048.334.606	1.354.936.701
Các chi phí khác	1.404.899.740	1.686.063.877
Cộng	13.288.852.442	9.871.263.647

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Linh kiện bảo hành được miễn phí	-	31.038.175
Nhà cung cấp hỗ trợ phát triển thị trường	294.475.230	-
Thu nhập khác	12.628.033	360.909.344
Cộng	307.103.263	391.947.519

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt truy thu khác	6.150.997	461.639.393
Chi ủng hộ	-	500.000
Chi phí khác	316.587	437.334
Cộng	6.467.584	462.576.727

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.822.346.501	12.983.170.934
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(406.678.990)	(1.940.129.300)
- Các khoản điều chỉnh tăng	85.373.416	1.079.194.401
Tiền phạt truy thu thuế	5.125.991	461.575.224
Loại trừ khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ	8.831.515	98.128
Lỗi tại Công ty con quyết toán riêng	71.415.910	617.021.049
Chi ủng hộ	-	500.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	492.052.406	3.019.323.701
Lãi phát sinh trong quá trình hợp nhất	492.052.406	3.019.323.701
Thu nhập tính thuế	10.415.667.511	11.043.041.634
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.083.133.502	2.208.608.327
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	13.307.700
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.083.133.502	2.221.916.027

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(896.987.976)	(1.008.963.202)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.552.586.116	1.465.126.005
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	974.774.449	-
Cộng	1.630.372.589	456.162.803

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.415.260.176	10.023.525.123
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(128.305.204)	(200.470.502)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.286.954.972	9.823.054.621
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.888.636	15.888.634
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	396	618

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ này được ước tính theo 2% lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.888.634	14.849.576
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm từ lợi nhuận	-	1.039.058
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.888.634	15.888.634

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ đồ dùng	4.133.961.633	23.750.483.487
Chi phí nhân công	16.272.442.670	14.348.136.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.203.154.196	2.532.132.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.950.690.344	22.635.018.672
Chi phí trạm bảo hành	4.846.654.783	3.866.733.490
Chi phí dự phòng	4.304.239.613	-
Chi phí bằng tiền khác	5.623.727.685	11.367.374.449
Cộng	52.334.870.924	78.499.878.682

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc	-	253.383.449
Lãi tiền vay nhập gốc	1.348.723	-
Cộng	1.348.723	253.383.449

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Ban điều hành và cá nhân có liên quan		
Thu tiền tạm ứng	41.450.000	359.378.000
Chi tiền tạm ứng	41.450.000	359.378.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các thành viên quản lý là chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	510.962.000	526.063.926

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	<u>510.962.000</u>	<u>526.063.926</u>

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Đức Anh Vũ	Cổ đông chính

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng	204.532.888.791	209.431.976.923
+ Giá trị chưa thuế	185.938.989.810	190.392.706.294
+ Thuế GTGT đầu ra	18.593.898.981	19.039.270.629
Phải thu tiền cho thuê kho	-	-
+ Giá trị chưa thuế	-	-
+ Thuế GTGT đầu ra	-	-
Mua hàng hóa	14.631.729.310	43.195.987.021
+ Giá trị chưa thuế	13.301.572.100	39.269.079.110
+ Thuế GTGT đầu ra	1.330.157.210	3.926.907.911
Trả tiền hàng	8.120.000.000	25.554.589.221
Thu tiền bán hàng	177.119.000.000	198.700.000.000
Thu tiền tạm ứng	9.700.000.000	-
Công ty Cổ phần may KLV		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	241.568.128	459.029.320
+ Giá trị chưa thuế	219.607.389	417.299.382
+ Thuế GTGT đầu ra	21.960.739	41.729.938
Phải thu tiền cho thuê kho, thuê xe	3.468.000.000	3.468.000.000
+ Giá trị chưa thuế	3.152.727.272	3.152.727.272
+ Thuế GTGT đầu ra	315.272.728	315.272.728
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	5.766.642.200	-
+ Giá trị chưa thuế	5.242.402.000	-
+ Thuế GTGT đầu vào	524.240.200	-
Trả tiền mua hàng	4.796.645.700	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.734.000.000	4.605.867.000
Thu tiền cho vay ngắn hạn	-	7.598.000.000
Chi tiền cho vay ngắn hạn	-	7.598.000.000
Lãi vay phải thu	-	12.730.411

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền lãi cho vay	-	12.730.411
Trả tiền lãi vay	175.496.439	148.646.849
Lãi vay phải trả	260.334.796	333.061.769
Nhận tiền vay ngắn hạn	-	14.242.000.000
Trả tiền gốc vay	-	10.752.000.000
Ông Nguyễn Đức Anh Vũ		
Phải thu tiền Bán hàng	-	766.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.4, V.13, V.14, V.17, V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	500.589.019.118	50.495.211.918	44.304.287.362	-	595.388.518.398
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	329.017.185.679	1.575.014.735	16.258.723.598	(346.850.924.012)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	829.606.204.797	52.070.226.653	60.563.010.960	(346.850.924.012)	595.388.518.398
Chi phí bộ phận	773.173.295.805	45.962.941.694	53.979.087.899	(348.272.965.595)	524.842.359.803
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	56.432.908.992	6.107.284.959	6.583.923.061	1.422.041.583	70.546.158.595
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(47.052.200.659)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					23.493.957.936
Doanh thu hoạt động tài chính					2.633.243.757
Chi phí tài chính					(12.783.130.463)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					(2.822.360.408)
Thu nhập khác					307.103.263
Chi phí khác					(6.467.584)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.083.133.502)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.630.372.589)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					7.108.840.410
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.125.155.136	4.130.000	-	-	1.129.285.136
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.268.141.407	316.072.091	297.757.224	(2.831.060)	2.879.139.662

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Trung	Miền Nam				
Số cuối kỳ								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	850.272.946.335	38.226.776.276	43.581.930.073	(258.441.220.757)	673.640.431.927			<u>673.640.431.927</u>
<i>Tổng tài sản</i>								<u>673.640.431.927</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	613.325.866.890	31.644.270.516	43.438.542.314	(226.484.597.964)	461.924.081.756			
<i>Tổng nợ phải trả</i>								<u>461.924.081.756</u>
Số đầu năm								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	820.818.765.455	32.036.503.824	80.986.430.619	(294.529.228.464)	639.312.471.434			
<i>Tổng tài sản</i>								<u>639.312.471.434</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	584.932.637.192	25.777.956.561	80.771.626.950	(264.962.407.548)	426.519.813.155			
<i>Tổng nợ phải trả</i>								<u>426.519.813.155</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Thăng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	288.121.104.681	345.000.000	-	288.466.104.681
Phải trả người bán	90.421.903.126	-	-	90.421.903.126
Các khoản phải trả khác	53.872.996.931	-	-	53.872.996.931
Cộng	432.416.004.738	345.000.000	-	432.761.004.738
Số đầu năm				
Vay và nợ	327.123.025.437	453.600.000	-	327.576.625.437
Phải trả người bán	58.297.010.376	-	-	58.297.010.376
Các khoản phải trả khác	18.753.658.546	-	-	18.753.658.546
Cộng	404.173.694.359	453.600.000	-	404.627.294.359

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.458.804.484	11.640.206.650	15.458.804.484	11.640.206.650
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	36.764.000.000	38.384.000.000	36.764.000.000	38.384.000.000
Phải thu khách hàng	222.823.723.157	167.916.580.701	222.823.723.157	167.916.580.701
Các khoản cho vay	13.000.000.000	12.000.000.000	13.000.000.000	12.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.184.364.040	2.454.654.298	2.184.364.040	2.454.654.298
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	19.703.131.199	22.525.491.607	19.703.131.199	22.525.491.607
Cộng	309.934.022.880	254.920.933.256	309.934.022.880	254.920.933.256
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	288.466.104.681	327.576.625.437	288.466.104.681	327.576.625.437
Phải trả người bán	90.421.903.126	58.297.010.376	90.421.903.126	58.297.010.376
Các khoản phải trả khác	53.872.996.931	18.753.658.546	53.872.996.931	18.753.658.546
Cộng	432.761.004.738	404.627.294.359	432.761.004.738	404.627.294.359

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Chỉ tiêu trên “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do trích quỹ khen thưởng phúc lợi được phân loại lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu Sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	01	675	(57)	618

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Bích Loan

Huy Thị Dung

Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

Phải thu khách hàng ngắn hạn	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Đã thu hồi được một phần	86.925.000	4.746.840.555	Đã thu hồi được một phần	86.925.000	86.925.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942		Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942
Công ty cổ phần đào tạo và phát triển nguồn nhân lực IDT	Từ 6 tháng đến 1 năm	137.800.000	41.340.000	Dưới 6 tháng	137.800.000	-
Công ty cổ phần Digicity Việt Nam	Từ 1 năm đến 2 năm	137.532.447	68.766.224	Từ 6 tháng đến 1 năm	197.532.447	-
Công ty cổ phần thương mại điện tử An Phú	Từ 6 tháng đến 1 năm	37.852.041	11.355.612	Dưới 6 tháng	37.852.041	-
Công ty cổ phần TM xuất nhập khẩu Kim Anh	Từ 6 tháng đến 1 năm	483.680.920	145.104.276	Dưới 6 tháng	483.680.920	-
Công ty CP Đầu tư CK - Việt Nam	Từ 1 năm đến 2 năm	115.576.441	57.788.221	Từ 6 tháng đến 1 năm	115.576.441	-
Công ty TNHH điện tử Quang Minh	Từ 1 năm đến 2 năm	84.279.327	42.139.664	Từ 6 tháng đến 1 năm	84.279.327	-
Công ty TNHH Hải sơn	Từ 6 tháng đến 1 năm	100.723.036	30.216.911	Dưới 6 tháng	100.723.036	-
Công ty TNHH Kahutech Việt Nam	Từ 1 năm đến 2 năm	821.662.685	410.831.343	Từ 6 tháng đến 1 năm	821.662.685	-
Công ty TNHH MTV xây dựng Thái Sơn	Từ 1 năm đến 2 năm	50.000.022	25.000.011	Từ 6 tháng đến 1 năm	50.000.022	-
Công ty TNHH Phát triển Điện lạnh Minh Anh	Từ 1 năm đến 2 năm	1.453.468.075	726.734.038	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.453.468.075	-
Công ty TNHH Thực phẩm VT - chi nhánh Bắc Ninh	Từ 6 tháng đến 1 năm	53.000.000	15.900.000	Dưới 6 tháng	53.000.000	-
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Tuấn Thảo	Từ 1 năm đến 2 năm	135.428.800	67.714.400	Từ 6 tháng đến 1 năm	135.428.800	-
Công ty TNHH Thương Mại và dịch vụ Anh Thắng	Từ 6 tháng đến 1 năm	31.375.038	9.412.511	Dưới 6 tháng	31.375.038	-
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Cường Tư	Từ 1 năm đến 2 năm	60.800.000	30.400.000	Từ 6 tháng đến 1 năm	60.800.000	-
Công ty TNHH Tiến Minh BG	Từ 6 tháng đến 1 năm	78.253.979	23.476.194	Dưới 6 tháng	78.253.979	-
Công ty TNHH tư vấn xúc tiến đầu tư Bắc Giang	Từ 1 năm đến 2 năm	112.206.000	56.103.000	Từ 6 tháng đến 1 năm	112.206.000	-
Công ty TNHH Viconex	Từ 6 tháng đến 1 năm	963.255.840	288.976.752	Dưới 6 tháng	963.255.840	-
Công ty TNHH Xây dựng thương mại Đại Ngọc	Từ 6 tháng đến 1 năm	41.632.113	12.489.634	Dưới 6 tháng	41.632.113	-
Cửa hàng điện tử điện lạnh Tuấn Long	Từ 1 năm đến 2 năm	265.782.989	132.891.492	Từ 6 tháng đến 1 năm	265.782.989	-
Công ty Cổ phần GRB Việt Nam	Trên 3 năm	114.483.270	114.483.270	Trên 3 năm	114.483.270	-
Cơ sở kinh doanh Đỗ Văn Tuyên	Từ 6 tháng đến 1 năm	25.967.048	7.790.114	Từ 6 tháng đến 1 năm	25.967.048	-
Cơ sở kinh doanh Hoàng Lan	Từ 6 tháng đến 1 năm	78.590.480	23.577.140	Từ 6 tháng đến 1 năm	78.590.480	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thảng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Công ty TNHH Thương mại Minh Hiền	Từ 1 năm đến 2 năm	428.775.390	Từ 1 năm đến 2 năm	428.775.390
CÔNG TY TNHH TM&DV PHƯƠNG LINH TP	Từ 1 năm đến 2 năm	53.486.000	Từ 1 năm đến 2 năm	53.486.000
Công ty TNHH Thương Mại Bảo Lan	Từ 1 năm đến 2 năm	113.238.227	Từ 1 năm đến 2 năm	113.238.227
Công ty TNHH Linh Anh Bắc Giang	Từ 1 năm đến 2 năm	356.591.015	Từ 1 năm đến 2 năm	356.591.015
Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Quạt Điện Việt Nam	Từ 1 năm đến 2 năm	25.505.173	Từ 1 năm đến 2 năm	25.505.173
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VIHOUSE	Từ 1 năm đến 2 năm	232.366.073	Từ 1 năm đến 2 năm	232.366.073
Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh hàng gia dụng Mạnh Huệ	Từ 1 năm đến 2 năm	117.116.439	Từ 1 năm đến 2 năm	117.116.439
Công Ty TNHH Thương Mại Cảnh Cường	Từ 2 năm đến 3 năm	169.540.459	Từ 2 năm đến 3 năm	169.540.459
Công ty TNHH Thương Mại 319 Đông Anh	Từ 6 tháng đến 1 năm	107.827.640	Từ 6 tháng đến 1 năm	107.827.640
Cơ sở kinh doanh Nguyễn Văn Tháo	Từ 2 năm đến 3 năm	309.691.098	Từ 2 năm đến 3 năm	309.691.098
Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại và Dịch Vụ Đứơc Thành	Từ 1 năm đến 2 năm	328.353.072	Từ 1 năm đến 2 năm	328.353.072
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại T&T Toàn Cầu	Từ 6 tháng đến 1 năm	901.086.428	Từ 6 tháng đến 1 năm	901.086.428
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư An Huy	Từ 6 tháng đến 1 năm	51.539.511	Dưới 6 tháng	51.539.511
Hộ Kinh Doanh Điện Máy Thiên Đứơc	Từ 6 tháng đến 1 năm	470.588.306	Dưới 6 tháng	470.588.306
NHÀ PHÂN PHỐI HOÀNG HÀ	Từ 6 tháng đến 1 năm	127.848.300	Dưới 6 tháng	127.848.300
Bà NGUYỄN THU THUY	Từ 6 tháng đến 1 năm	220.779.219	Dưới 6 tháng	220.779.219
Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh ABC	Từ 6 tháng đến 1 năm	337.545.972	Dưới 6 tháng	337.545.972
CÔNG TY TNHH ĐIỆN CƠ ĐIỆN LẠNH TƯỜNG HÙNG	Từ 6 tháng đến 1 năm	444.688.013	Dưới 6 tháng	444.688.013
Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.649.307.425		2.649.307.425
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000
Guangdong Sky bright Group Co.,Ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699
Zhejiang Bingfeng Compressor co.,Ltd	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539
Cộng		13.271.825.253		13.331.825.253
		7.396.147.980		3.091.908.367